

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 16-6-2020

V/v: “Không công nhận quan hệ
vợ chồng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Điều Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Mạnh Dũng

2. Ông Nguyễn Quang Liêu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: bà Trịnh Thị Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 26/2020/TLST- HNGĐ, ngày 12 tháng 02 năm 2020 về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2020/QĐXX - ST ngày 05 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Mỹ L; sinh năm: 1985

Trú tại: 01A1 tổ 7 khu phố 6, phường L, Quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: ông Thàm Mỹ H; sinh năm: 1978

Địa chỉ: Thôn 3, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước

(Nguyên đơn và bị đơn đều có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 11/02/2020 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Mỹ L và ông Thảm Mỹ H tự nguyện chung sống với nhau năm 2003 và có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã B. Do thất lạc giấy kết hôn nên không thể cung cấp cho Tòa án. Bà L và ông H chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông H thường xuyên uống rượu, khi say thường xuyên kiểm soát chửi bới và đánh đập bà. Đến năm 2017 bà và ông H đến thành phố Hồ Chí Minh sinh sống, trong thời gian này ông H vẫn tiếp tục uống rượu và có hành vi đập phá đồ đạc làm cho mâu thuẫn của hai bên ngày càng trầm trọng. Khoảng năm 2017 bà và ông H đã sống ly thân liên tục cho đến nay. Hiện nay ông H sống tại xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước, còn bà và các con sống tại thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy bà L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn giữa bà và ông Thảm Mỹ H.

Về con chung: Trong thời gian chung sống bà L và ông H có 04 con chung: Thảm Nhựt H; sinh ngày: 30/4/2003, Thảm Nhật K; sinh ngày: 12/11/2007; Thảm Thị Ngọc H, sinh ngày: 08/01/2010 và Thảm Thị Ngọc A, sinh ngày: 21/5/2015. Từ trước đến nay các con đều sống với bà L, vì vậy bà có nguyện vọng nuôi dưỡng cả 04 cháu và không yêu cầu ông H cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Thảm Mỹ H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: ông Thảm Mỹ H và bà Nguyễn Thị Mỹ L tự nguyện chung sống với nhau năm 2003 và có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã Bom Bo vào năm 2004. Giấy kết hôn bà L giữ nên ông không thể cung cấp cho Tòa án. ông H và bà L chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn trầm trọng nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống hàng ngày. Sau đó ông đã bỏ về xã B sống cho đến nay còn bà L và các con sống tại thành phố Hồ Chí Minh. Trong thời gian sống ly thân mạnh ai nấy sống, kinh tế độc lập. Bà L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông, ông đồng ý.

Về con chung: Trong thời gian chung sống bà L và ông H có 04 con chung: Thảm Nhựt H; sinh ngày: 30/4/2003, Thảm Nhật K; sinh ngày: 12/11/2007; Thảm Thị Ngọc H, sinh ngày: 08/01/2010 và Thảm Thị Ngọc A, sinh ngày: 21/5/2015. Về việc nuôi dưỡng các con thì tùy nguyện vọng của các con và ông đồng ý giao các cháu cho bà L nuôi dưỡng. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành các quy định pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51; Điều 53; 81; 82; 83; 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L.

- Về con chung: Giao cháu Thảm Nhựt H; sinh ngày: 30/4/2003, Thảm Nhựt K; sinh ngày: 12/11/2007; Thảm Thị Ngọc H, sinh ngày: 08/01/2010 và Thảm Thị Ngọc A, sinh ngày: 21/5/2015 cho bà Nguyễn Thị Mỹ L trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc.

Về cấp dưỡng không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: không có, không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Mỹ L và ông Thảm Mỹ H tự nguyện chung sống với nhau năm 2003. Nguyên đơn và bị đơn đều xác định có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bom Bo, huyện B, tỉnh Bình Phước. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án Tòa án yêu cầu nguyên đơn và bị đơn cung cấp bản sao giấy kết hôn nhưng cả nguyên đơn và bị đơn không cung cấp được. Ngày 06/3/2020 Tòa án có ban hành công văn số 39/CV-TA gửi UBND xã Bom Bo về việc đề nghị cung cấp giấy kết hôn giữa bà L và ông H. Tuy nhiên kết quả trả lời xác định về việc đăng ký kết hôn giữa bà L và ông H như sau: “Qua tiến hành kiểm tra thông tin hiện không tìm thấy có trong hồ sơ, sổ sách lưu trữ hộ tịch tại địa phương”. Do đó, xem như không đăng ký kết hôn và Tòa án giải quyết theo quy định của Luật hôn nhân gia đình về trường hợp không đăng ký kết hôn.

Bà L và ông H chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông H không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông H không hợp pháp nên không được pháp luật thừa nhận. Căn cứ Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 yêu cầu của nguyên đơn về việc không công nhận quan hệ vợ chồng của bà L được chấp nhận.

[2] Về con chung có 04 cháu tên là: Thảm Nhựt H; sinh ngày: 30/4/2003, Thảm Nhựt K; sinh ngày: 12/11/2007; Thảm Thị Ngọc H, sinh ngày: 08/01/2010

và Thăm Thị Ngọc A, sinh ngày: 21/5/2015. Bà L có nguyện vọng nuôi dưỡng cả 04 cháu, bị đơn ông H đồng ý. Do đó cần ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự về việc giao cháu Thăm Nhựt H, sinh ngày: 30/4/2003; Thăm Nhật K; sinh ngày: 12/11/2007; Thăm Thị Ngọc H, sinh ngày: 08/01/2010 và Thăm Thị Ngọc A, sinh ngày: 21/5/2015 cho bà Nguyễn Thị Mỹ L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Về cấp dưỡng: Do các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 131 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn Nguyễn Thị Mỹ Lệ phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0010052 ngày 12/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước.

Quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ L về việc không công nhận quan hệ vợ chồng. Bà Nguyễn Thị Mỹ L không được công nhận quan hệ vợ chồng với ông Thăm Mỹ H.

[2] Về con chung:

Giao cháu Thăm Nhựt H; sinh ngày: 30/4/2003, Thăm Nhật K; sinh ngày: 12/11/2007; Thăm Thị Ngọc H, sinh ngày: 08/01/2010 và Thăm Thị Ngọc A, sinh ngày: 21/5/2015 cho bà Nguyễn Thị Mỹ L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng: Do các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn Nguyễn Thị Mỹ L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0010052 ngày 12/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước.

[6] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- Viện kiểm sát nhân dân h.Bù Đăng;
- Chi Cục THADS h.Bù Đăng;
- Đương sự;
- Lưu hs.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Điền Thị Hạnh